TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **110**/2026/HNGĐ-ST	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Kim Ánh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Nhớ**
Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nguyễn Viết Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Mai Phương**.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 517/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1064/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Hoàn V**, sinh năm 1992; Địa chỉ: I B, A, S, CA 95136, Hoa Kỳ; địa chỉ liên hệ: Số E Kiệt A P, phường T, thành phố H. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hoàn V: Bà Hồ Thị Hoàng O, sinh năm: 1982 – Luật sư Công ty L – Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số E Kiệt A P, phường T, thành phố H. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị Kim T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: A L, phường T, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: B N, phường L, thành phố Đà Nẵng. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ông Trần Hoàn V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T đăng ký kết hôn vào ngày 23/05/2023 tại UBND quận T (nay là phường T), thành phố Đà

Nẵng. Sau khi kết hôn ông V định cư ở Hoa Kỳ và không có ý định về Việt Nam nên vợ chồng sống mỗi người một nơi, từ đó phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng do không cùng chí hướng. Hơn nữa, do có khoảng cách địa lý xa nhau nên khó hàn gắn những tổn thương và khắc phục mâu thuẫn. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, lâu ngày không còn giữ liên lạc thường xuyên nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông V xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim T.

- *Về con chung*: Ông Trần Hoàn V xác định không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Trần Hoàn V xác định không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hoàn V là bà Hồ Thị Hoàng O trình bày theo Bản luận cứ ngày 28/8/2026:

Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T đăng ký kết hôn ngày 23/5/2023 tại Ủy ban nhân dân quận T, (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa cách do ông Vũ cư T1, làm việc tại Hoa Kỳ, bà T sinh sống tại Việt Nam; quá trình chung sống không tạo dựng được sự gắn bó, chia sẻ và đồng hành, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên không còn tiếng nói chung. Do đó, quan hệ hôn nhân trên thực tế đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V, cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn là bà Hoàng Thị Kim T có trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Kim T và ông Trần Hoàn V đăng ký kết hôn vào ngày 23/05/2023 tại UBND quận T (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian vợ chồng có những mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống và không tương đồng về tính cách. Đồng thời, khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, bà T không tìm thấy hạnh phúc sau khi kết hôn với ông V. Vì vậy, bà T đồng ý với yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của ông V.

- *Về con chung:* Bà Hoàng Thị Kim T xác định không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Hoàng Thị Kim T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàn V đối với bị đơn bà Hoàng Thị Kim T về việc: "*Ly hôn"*.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Trần Hoàn V được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim T.

- *Về con chung*: Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hoàng Thị Kim T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ A L, phường T, thành phố Đà Nẵng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Hoàn V; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là bà Hồ Thị Hoàng O và bị đơn bà Hoàng Thị Kim T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/5/2023 tại Ủy ban nhân dân quận T (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V trình bày sau khi kết hôn ông định cư tại Hoa Kỳ, không có ý định trở về Việt Nam sinh sống nên vợ chồng sống xa nhau. Trong quá trình đó, giữa hai bên phát sinh những khác biệt về quan điểm sống, không cùng chí hướng; khoảng cách địa lý khiến những bất đồng không được khắc phục, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hai bên không còn giữ liên lạc thường xuyên. Ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bà T cũng thừa nhận sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tương đồng về tính cách, quan điểm sống; khoảng cách địa lý khiến những tổn thương trong quan hệ vợ chồng khó được hàn gắn, tình cảm phai

nhạt, hai bên không còn liên lạc thường xuyên. Bà T xác định không có hạnh phúc và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của ông V và bà T thống nhất về thực trạng quan hệ vợ chồng hiện nay: giữa hai bên có sự khác biệt về quan điểm, lối sống; sống xa nhau trong thời gian dài, tình cảm phai nhạt và không còn duy trì liên lạc thường xuyên. Ông V xác định tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn; bà T cũng xác định không có hạnh phúc và đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân. Mặc dù các bên đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không tiến hành hòa giải trực tiếp, nhưng qua quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để các bên cân nhắc, hàn gắn quan hệ hôn nhân; tuy nhiên, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và bà T đồng ý với yêu cầu này.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T hiện không còn tình cảm vợ chồng, sự gắn bó và đời sống chung thực tế; những mâu thuẫn phát sinh đã kéo dài và không được khắc phục. Cả hai bên đều không đưa ra được giải pháp để tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, trong đó ông V yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng, còn bà T đồng ý ly hôn. Có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Hoàn V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho ông Trần Hoàn V được ly hôn bà Hoàng Thị Kim T.

Về con chung: Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hoàn V và bà Hoàng Thị Kim T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hoàn V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; Điều 58 ;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Ly hôn*" của nguyên đơn ông Trần Hoàn V đối với bị đơn bà Hoàng Thị Kim T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Hoàn V được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Hoàn V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai thu số 0000335 ngày 07/07/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND Khu vực 3;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê TP. Đà Nẵng;
(*Giấy CNKH số 41 ngày 23/05/2023);*
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Ánh